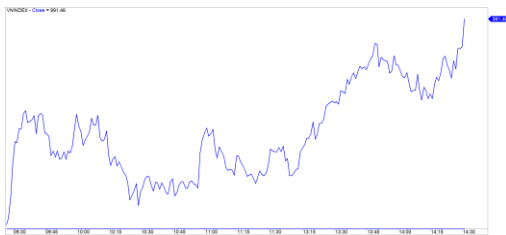


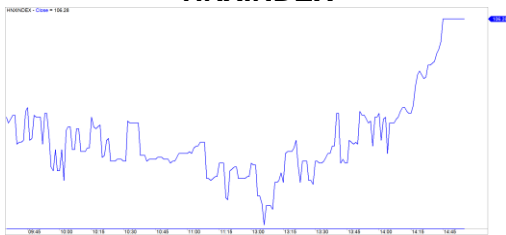
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	991.46	106.28	56.22
% ngày	0.52%	0.65%	0.46%
% tuần	2.47%	2.99%	1.57%
% tháng	3.66%	3.77%	0.99%
% năm	9.37%	3.65%	4.38%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	2,940	239	211
TB 1 tuần	3,353	286	192
TB 1 tháng	3,477	369	240
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	786.71	6.33	58.96
Bán	707.90	3.59	39.60
Giá trị ròng	78.81	2.74	19.36
Độ rộng TT			
Mã Tăng	209	90	186
Mã Giảm	72	41	65
Không Đổi	108	241	652
Chỉ số chính			
P/E	16.02	8.87	15.91
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,381	194	910
LS Cổ tức	2.33%	4.60%	4.19%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index tiếp tục đà tăng tích cực trước kỳ nghỉ dài. Chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất phiên tại 991.46 điểm tăng 0.52%. Chỉ số HNX-Index tương tự tăng 0.65% chốt tại 106.28 điểm trong khi Upcom-Index tăng nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh duy trì ở mức trung bình khi đạt hơn 2,900 tỷ đồng trên toàn thị trường. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về số mã tăng.

Nhóm Ngân hàng xoay vòng để dẫn dắt xu hướng tăng, trong đó BID(+2.8%), đóng cửa tại mức 55,500 đồng/cp. Trên sàn HNX, SHB là tâm điểm khi tăng 4.1% đóng cửa tại 7,700 đồng/cp. Nhóm Chứng khoán, Bảo hiểm cũng cùng chung diễn biến tích cực với các cái tên như BVH(+1.7%), HCM(+1.1%), VND(+4.1%).

Ủy ban Ngoại thương của Liên minh châu Âu (INTA) vừa thông qua Hiệp định Bảo vệ Đầu tư EU - Việt Nam (EVIPA) và Hiệp định Thương mại Tự do EU - Việt Nam (EVFTA). Hiệp định này sẽ chính thức thông qua khi Nghị viện EU chấp thuận vào cuộc họp ở giữa tháng tới.

Nhóm cổ phiếu Dệt May phản ứng tích cực trước thông tin trên khi TCM, STK, GIL tăng hết biên độ trong khi TNG(+7.7%). Nhiều cổ phiếu Small-Cap có mức tăng khá mạnh như VRC(+6.9%), HAI(+6.9%), DRH(+6.9%), DIC(+6.9%)...

Khối ngoại duy trì mạch mua ròng với hơn 100 tỷ đồng. HPG(100.5 tỷ), VEA(19.9 tỷ) được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược VIC(21 tỷ), VJC(20 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ sớm tiệm cận tại mức kháng cự tâm lý 1,000 điểm của chỉ số VN-Index và gặp áp lực chốt lợi tại vùng kháng cự này. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực và chúng tôi vẫn đánh giá rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp cho nên các nhịp điều chỉnh chỉ xảy ra trong ngắn hạn. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư tiếp tục lạc quan với xu hướng hiện tại của thị trường.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 969.13 điểm của chỉ số VN-Index và 102.85 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

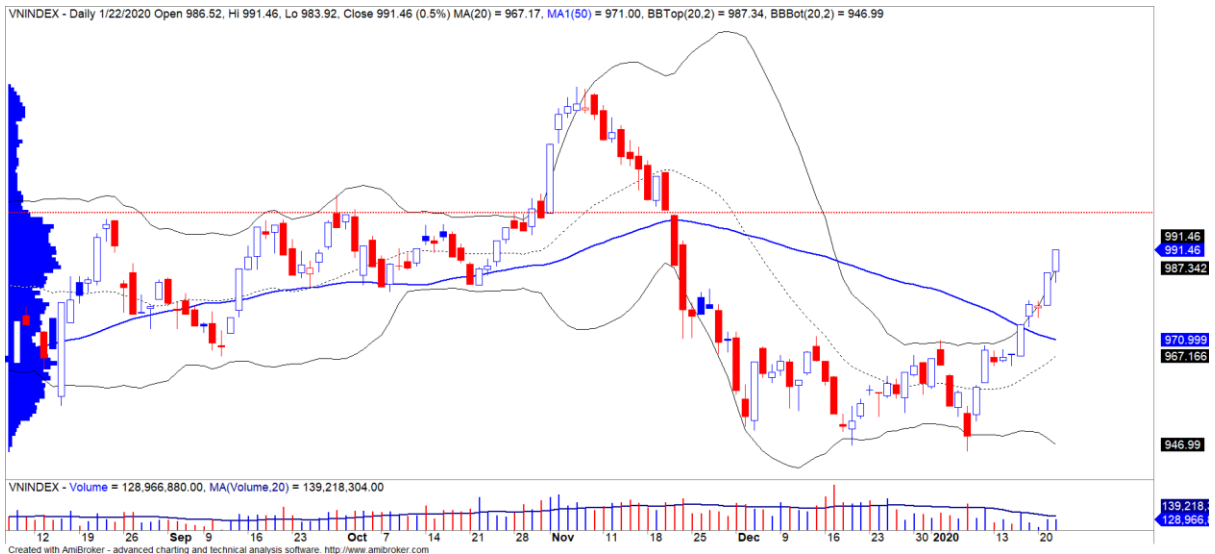
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 46% cổ phiếu/54% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.60	TĂNG	GIẢM	12.50	11.92	0.80%			13.79		
ACB	24.50	TĂNG	TĂNG	23.50	23.61	4.26%		24.00	22.57	2.08%	
ACV	69.00	GIẢM	GIẢM		72.22				78.74		
ANV	22.30	GIẢM	GIẢM		22.70				24.61		
ASM	6.50	TĂNG	GIẢM	6.50	6.48	0.00%	MUA		7.24		
BFC	12.10	TĂNG	GIẢM	12.10	11.96	0.00%	MUA		13.05		
BID	55.50	TĂNG	TĂNG	41.90	50.85	32.46%		33.40	43.80	66.17%	
BMP	45.40	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BSR	8.40	TĂNG	GIẢM	8.50	7.25	-1.18%			9.47		
BVH	67.00	GIẢM	GIẢM		68.10				73.44		
BWE	22.20	GIẢM	GIẢM		22.59				24.57		
CEO	9.10	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	25.50	TĂNG	TĂNG	24.60	24.55	3.66%		26.00	24.76	-1.92%	MUA
CMG	34.40	GIẢM	GIẢM		35.86			23.20	34.96	50.68%	BÁN
CMX	12.55	TĂNG	GIẢM	12.55	12.20	0.00%	MUA		18.13		
CSM	14.00	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-2.10%			14.75		
CTD	53.40	TĂNG	GIẢM	52.70	50.43	1.33%			61.28		
CTG	25.60	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	24.27%		23.55	20.45	8.70%	
CTR	49.70	TĂNG	N/A	44.00	45.02	12.95%		-	N/A		
CVT	21.20	TĂNG	GIẢM	20.95	20.40	1.19%			22.18		
DCM	6.08	GIẢM	GIẢM		6.10				6.65		
DGC	25.20	TĂNG	GIẢM	25.20	25.14	0.00%	MUA		26.93		
DGW	25.80	TĂNG	TĂNG	23.25	24.22	10.97%		25.20	24.94	2.38%	MUA
DHA	32.35	TĂNG	GIẢM	31.85	29.33	1.57%			32.52		
DHC	41.20	TĂNG	TĂNG	39.60	38.34	4.04%		37.70	36.02	9.28%	
DHG	88.00	GIẢM	GIẢM		90.90				95.90		
DIG	13.00	GIẢM	GIẢM		13.23				14.69		
DPG	30.20	GIẢM	GIẢM		33.99				44.39		
DPM	12.60	GIẢM	GIẢM		13.00				14.05		
DPR	39.00	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-3.70%		41.30	35.60	-5.57%	
DQC	15.80	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	-2.47%			17.29		
DRC	26.05	TĂNG	TĂNG	24.10	24.41	8.09%		21.60	22.06	20.60%	
DXG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.61				15.69		
EIB	17.45	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-1.97%		18.40	16.46	-5.16%	



We Create Fortune

FCN	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	10.27	0.00%	MUA		11.20		
FMC	26.10	GIẢM	TĂNG		26.41			31.60	25.00	-17.41%	
FPT	56.50	GIẢM	TĂNG		58.85			46.00	54.99	22.83%	
GAS	94.90	GIẢM	GIẢM		96.30				103.52		
GEX	19.80	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-3.41%			20.84		
GIL	17.50	TĂNG	GIẢM	17.50	17.11	0.00%	MUA		19.37		
GMD	21.55	GIẢM	GIẢM		22.26				23.93		
GTN	18.20	GIẢM	GIẢM		18.76				21.46		
GVR	12.10	TĂNG	N/A	11.70	10.72	3.42%			N/A		
HAG	3.98	GIẢM	GIẢM		4.08				4.22		
HAX	14.35	GIẢM	GIẢM		14.80				18.67		
HBC	11.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.76	9.35%			12.34		
HCM	22.20	TĂNG	GIẢM	21.85	20.82	1.60%			23.40		
HDB	29.00	TĂNG	GIẢM	27.55	27.55	5.26%			29.24		
HDC	22.55	GIẢM	TĂNG		23.29			15.25	21.08	47.87%	
HDG	29.90	GIẢM	GIẢM		31.13				32.97		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.40				15.49		
HPG	26.30	TĂNG	TĂNG	24.00	24.68	9.58%		23.85	22.11	10.27%	
HSG	8.98	TĂNG	TĂNG	8.45	8.01	6.27%		7.75	7.30	15.87%	
HT1	14.90	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-11.83%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVN	32.80	GIẢM	GIẢM		33.17				36.46		
KBC	15.30	GIẢM	TĂNG		16.16			15.35	14.00	-0.33%	
KDH	25.90	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	7.92%	
KSB	17.05	TĂNG	GIẢM	16.55	14.99	3.02%			18.65		
LCG	7.51	GIẢM	GIẢM		7.55				8.74		
LDG	8.00	GIẢM	GIẢM		8.15				9.69		
LHG	15.45	GIẢM	GIẢM		16.17				16.89		
LPB	8.00	TĂNG	GIẢM	7.60	7.41	5.26%			8.05		
MBB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.00	21.55	1.82%			22.70		
MPC	22.50	TĂNG	TĂNG	24.40	20.82	-7.79%		24.10	19.14	-6.64%	
MSN	53.40	GIẢM	GIẢM	57.50	54.05	-5.99%	BÁN		63.22		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	4.17%			16.05		
MWG	119.20	TĂNG	GIẢM	113.40	115.78	5.11%			122.49		
NDN	16.80	TĂNG	GIẢM	16.80	16.32	0.00%	MUA		17.93		
NKG	9.50	TĂNG	TĂNG	7.38	9.13	28.73%		7.11	7.13	33.61%	
NLG	28.10	TĂNG	TĂNG	27.05	26.86	3.88%		28.70	26.30	-2.09%	
NT2	19.05	GIẢM	GIẢM		19.15				21.25		
NTL	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	23.08	0.00%	MUA	24.20	21.14	-4.13%	



We Create Fortune

NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.53				59.95		
OIL	8.10	GIẢM	GIẢM		8.29				9.54		
PAC	24.60	GIẢM	GIẢM		25.43				27.31		
PC1	18.35	TĂNG	GIẢM	17.85	17.34	2.80%			19.39		
PDR	26.50	TĂNG	TĂNG	26.50	26.21	0.00%	MUA	29.00	25.19	-8.62%	
PHR	40.00	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PLX	57.30	TĂNG	GIẢM	57.30	56.94	0.00%	MUA		60.01		
PNJ	91.30	TĂNG	TĂNG	84.70	88.57	7.79%		77.07	80.07	18.46%	
POW	11.10	GIẢM	GIẢM		11.31				12.46		
PVT	14.80	GIẢM	GIẢM		15.48				17.49		
PPC	26.35	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-7.22%	
PTB	68.60	GIẢM	GIẢM		69.62				74.53		
PVB	18.00	GIẢM	GIẢM		18.15				20.32		
PVD	14.95	GIẢM	GIẢM		15.29				16.61		
PVI	32.40	TĂNG	GIẢM	32.30	31.03	0.31%			33.18		
PVS	18.30	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PXS	5.86	TĂNG	TĂNG	5.78	5.52	1.38%		6.20	4.88	-5.48%	
QNS	27.70	TĂNG	GIẢM	27.70	27.53	0.00%	MUA		28.90		
REE	37.00	TĂNG	TĂNG	36.95	35.95	0.14%		33.33	35.23	11.03%	
SAB	232.50	TĂNG	GIẢM	233.50	228.38	-0.43%			248.37		
SAM	9.80	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	20.25%		7.40	8.03	32.43%	
SCR	5.30	GIẢM	TĂNG		5.48			6.33	5.26	-16.27%	BÁN
SHI	9.05	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	29.47%	
SJS	17.40	TĂNG	TĂNG	17.00	16.13	2.35%		17.00	14.40	2.35%	
SKG	12.30	GIẢM	TĂNG		12.57			12.30	11.66	0.00%	
SSI	19.30	TĂNG	GIẢM	19.10	18.54	1.05%			19.73		
STB	10.90	TĂNG	TĂNG	10.50	10.42	3.81%			10.80		
TCB	24.20	TĂNG	GIẢM	24.05	22.95	0.62%			24.80		
TCM	22.10	TĂNG	TĂNG	20.95	20.25	5.49%			21.83		
TDH	10.35	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-1.43%			11.10		
TLH	4.05	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.25%		4.48	3.49	-9.60%	
TNG	16.70	TĂNG	TĂNG	15.10	15.00	10.60%			16.69		
VCB	93.40	TĂNG	TĂNG	94.50	90.48	-1.16%		62.00	83.93	50.65%	
VCG	25.70	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-0.39%		19.20	25.28	33.85%	
VCS	69.00	GIẢM	GIẢM		70.01				81.16		
VGC	18.25	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-0.82%			18.86		
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	0.00%			8.95		
VHC	39.60	GIẢM	GIẢM		40.57				41.92		
VHM	89.40	TĂNG	GIẢM	86.30	83.73	3.59%			91.72		



We Create Fortune

VIB	17.80	TĂNG	TĂNG	17.80	17.06	0.00%		17.70	16.56	0.56%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.41			112.00	113.76	2.59%	
VIP	5.05	GIẢM	GIẢM		5.09				5.29		
VJC	146.50	TĂNG	TĂNG	148.20	145.32	-1.15%		124.50	139.40	17.67%	
VND	15.10	TĂNG	TĂNG	14.10	13.93	7.09%			14.88		
VNG	19.65	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	121.30	TĂNG	GIẢM	121.00	117.32	0.25%			126.45		
VPB	23.60	TĂNG	TĂNG	20.00	22.00	18.00%		21.90	21.28	7.76%	MUA
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.47%		41.30	40.13	2.30%	
VRC	6.63	GIẢM	GIẢM		7.71				16.39		
VRE	32.60	GIẢM	TĂNG		33.58			35.05	32.08	-6.99%	
VSC	26.80	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	5.30%		27.00	24.46	-0.74%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.50	TĂNG	TĂNG	23.50	23.61	4.26%		24.00	22.57	2.08%	
BID	55.50	TĂNG	TĂNG	41.90	50.85	32.46%		33.40	43.80	66.17%	
BSR	8.40	TĂNG	GIẢM	8.50	7.25	-1.18%			9.47		
BVH	67.00	GIẢM	GIẢM		68.10				73.44		
CTG	25.60	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	24.27%		23.55	20.45	8.70%	
FPT	56.50	GIẢM	TĂNG		58.85			40.23	54.99	40.46%	
GAS	94.90	GIẢM	GIẢM		96.30				103.52		
GEX	19.80	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-3.41%			20.84		
GVR	12.10	TĂNG	N/A	11.70	10.72	3.42%			N/A		
HDB	29.00	TĂNG	GIẢM	27.55	27.55	5.26%			29.24		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.40				15.49		
HPG	26.30	TĂNG	TĂNG	24.00	24.68	9.58%		23.85	22.11	10.27%	
HVN	32.80	GIẢM	GIẢM		33.17				36.46		
KDH	25.90	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	7.92%	
MBB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.00	21.55	1.82%			22.70		
MSN	53.40	GIẢM	GIẢM	57.50	54.05	-5.99%	BÁN		63.22		
MWG	119.20	TĂNG	GIẢM	113.40	115.78	5.11%			122.49		
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.53				59.95		
OIL	8.10	GIẢM	GIẢM		8.29				9.54		
PLX	57.30	TĂNG	GIẢM	57.30	56.94	0.00%	MUA		60.01		
PNJ	91.30	TĂNG	TĂNG	84.70	88.57	7.79%		77.07	80.07	18.46%	

We Create Fortune

POW	11.10	GIẢM	GIẢM		11.31				12.46		
QNS	27.70	TĂNG	GIẢM	27.70	27.53	0.00%	MUA		28.90		
REE	37.00	TĂNG	TĂNG	36.95	35.95	0.14%		33.33	35.23	11.03%	
ROS	10.30	GIẢM	GIẢM		12.03				17.85		
SBT	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	18.16	0.00%		17.50	17.46	6.29%	
SSI	19.30	TĂNG	GIẢM	19.10	18.54	1.05%			19.73		
STB	10.90	TĂNG	TĂNG	10.50	10.42	3.81%			10.80		
TCB	24.20	TĂNG	GIẢM	24.05	22.95	0.62%			24.80		
TPB	21.50	TĂNG	GIẢM	21.55	21.21	-0.23%			23.94		
VCB	93.40	TĂNG	TĂNG	94.50	90.48	-1.16%		62.00	83.93	50.65%	
VCG	25.70	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-0.39%		18.44	25.28	39.36%	
VCS	69.00	GIẢM	GIẢM		70.01				81.16		
VEA	44.90	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-1.32%			59.45		
VGI	26.60	TĂNG	N/A	25.80	23.31	3.10%			N/A		
VHM	89.40	TĂNG	GIẢM	86.30	83.73	3.59%			91.72		
VIB	17.80	TĂNG	TĂNG	17.80	17.06	0.00%		15.00	16.56	18.63%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.41			112.00	113.76	2.59%	
VJC	146.50	TĂNG	TĂNG	148.20	145.32	-1.15%		124.50	139.40	17.67%	
VNM	121.30	TĂNG	GIẢM	121.00	117.32	0.25%			126.45		
VPB	23.60	TĂNG	TĂNG	20.00	22.00	18.00%		21.90	21.28	7.76%	MUA
VRE	32.60	GIẢM	TĂNG		33.58			35.05	32.08	-6.99%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.60	TĂNG	GIẢM	12.50	11.92	0.80%			13.79		
ANV	22.30	GIẢM	GIẢM		22.70				24.61		
ASM	6.50	TĂNG	GIẢM	6.50	6.48	0.00%	MUA		7.24		
BMI	26.00	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	1.36%		26.70	23.99	-2.62%	
BMP	45.40	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BWE	22.20	GIẢM	GIẢM		22.59				24.57		
CEO	9.10	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	25.50	TĂNG	TĂNG	24.60	24.55	3.66%		26.00	24.76	-1.92%	MUA
CRE	24.10	GIẢM	TĂNG		24.46			25.00	23.65	-3.60%	
CTI	22.90	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	5.05%			23.07		
CTR	49.70	TĂNG	TĂNG	44.00	45.02	12.95%			48.02		
D2D	64.00	GIẢM	GIẢM		71.05				82.23		



We Create Fortune

DBD	55.00	GIẢM	GIẢM		55.86				61.32		
DCM	6.08	GIẢM	GIẢM		6.10				6.65		
DGW	25.80	TĂNG	TĂNG	23.25	24.22	10.97%		25.20	24.94	2.38%	MUA
DHC	41.20	TĂNG	TĂNG	39.60	38.34	4.04%		37.70	36.02	9.28%	
DIG	13.00	GIẢM	GIẢM		13.23				14.69		
DPG	30.20	GIẢM	GIẢM		33.99				44.39		
DPM	12.60	GIẢM	GIẢM		13.00				14.05		
DRC	26.05	TĂNG	TĂNG	24.10	24.41	8.09%		21.60	22.06	20.60%	
DXG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.61				15.69		
E1VFN30	15.10	TĂNG	GIẢM	14.76	14.88	2.30%			15.42		
FCN	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	10.27	0.00%	MUA		11.20		
FLC	4.41	GIẢM	TĂNG		4.47			4.63	4.02	-4.75%	
GEG	25.30	GIẢM	GIẢM		26.03			12.50	25.77	106.15%	BÁN
GMD	21.55	GIẢM	GIẢM		22.26				23.93		
GTN	18.20	GIẢM	GIẢM		18.76				21.46		
HAG	3.98	GIẢM	GIẢM		4.08				4.22		
HBC	11.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.76	9.35%			12.34		
HCM	22.20	TĂNG	GIẢM	21.85	20.82	1.60%			23.40		
HDC	22.55	GIẢM	TĂNG		23.29			15.25	21.08	47.87%	
HDG	29.90	GIẢM	GIẢM		31.13				32.97		
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.64%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.98	TĂNG	TĂNG	8.45	8.01	6.27%		7.75	7.30	15.87%	
HT1	14.90	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-11.83%	
HTM	19.10	TĂNG	TĂNG	16.00	18.38	19.38%		20.00	15.13	-4.50%	
IBC	20.45	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	5.01	GIẢM	GIẢM		5.05				5.70		
IJC	14.25	GIẢM	TĂNG		15.00			13.10	14.05	8.78%	
ITA	2.64	GIẢM	GIẢM		2.74				3.05		
KBC	15.30	GIẢM	TĂNG		16.16			14.85	14.00	3.05%	
KDC	19.20	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-1.54%		20.82	18.08	-7.76%	
KOS	29.20	TĂNG	TĂNG	26.80	27.34	8.96%		26.30	25.86	11.03%	
KSB	17.05	TĂNG	GIẢM	16.55	14.99	3.02%			18.65		
LDG	8.00	GIẢM	GIẢM		8.15				9.69		
LPB	8.00	TĂNG	GIẢM	7.60	7.41	5.26%			8.05		
MBG	14.80	GIẢM	GIẢM		18.71				32.62		
MBS	14.30	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-2.72%			15.75		
MPC	22.50	TĂNG	TĂNG	24.40	20.82	-7.79%		24.10	19.14	-6.64%	
NBB	20.30	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		

We Create Fortune

NKG	9.50	TĂNG	TĂNG	7.38	9.13	28.73%		7.11	7.13	33.61%	
NLG	28.10	TĂNG	TĂNG	27.05	26.86	3.88%		26.28	26.30	6.92%	
NT2	19.05	GIẢM	GIẢM		19.15				21.25		
NTL	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	23.08	0.00%	MUA	24.20	21.14	-4.13%	
NVB	9.00	GIẢM	TĂNG		9.75			8.50	8.62	5.88%	
OGC	3.63	GIẢM	GIẢM		3.65				3.92		
PC1	18.35	TĂNG	GIẢM	17.85	17.34	2.80%			19.39		
PDR	26.50	TĂNG	TĂNG	26.50	26.21	0.00%	MUA	23.59	25.19	12.31%	
PHR	40.00	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PPC	26.35	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-7.22%	
PTB	68.60	GIẢM	GIẢM		69.62				74.53		
PVD	14.95	GIẢM	GIẢM		15.29				16.61		
PVI	32.40	TĂNG	GIẢM	32.30	31.03	0.31%			33.18		
PVS	18.30	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PVT	14.80	GIẢM	GIẢM		15.48				17.49		
QCG	3.80	TĂNG	GIẢM	3.89	3.58	-2.31%			4.30		
SCR	5.30	GIẢM	TĂNG		5.48			6.33	5.26	-16.27%	BÁN
SGP	7.20	TĂNG	GIẢM	7.20	7.17	0.00%	MUA		8.69		
SHB	7.70	TĂNG	TĂNG	6.40	7.03	20.31%		7.10	5.90	8.45%	
SHS	7.50	GIẢM	TĂNG		7.81			8.40	7.36	-10.71%	
SZC	16.05	GIẢM	GIẢM		17.00				19.60		
TCH	40.55	TĂNG	TĂNG	30.05	38.30	34.94%		26.15	30.30	55.07%	
TCM	22.10	TĂNG	TĂNG	20.95	20.25	5.49%			21.83		
TDH	10.35	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-1.43%			11.10		
TNG	16.70	TĂNG	TĂNG	15.10	15.00	10.60%			16.69		
TTB	3.95	GIẢM	GIẢM		4.26				6.74		
VGC	18.25	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-0.82%			18.86		
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	0.00%			8.95		
VHC	39.60	GIẢM	GIẢM		40.57				41.92		
VND	15.10	TĂNG	TĂNG	14.10	13.93	7.09%			14.88		
VNG	19.65	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.47%		41.30	40.13	2.30%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.40	TĂNG	TĂNG	8.30	8.27	1.20%		9.00	7.48	-6.67%	
AGR	3.60	TĂNG	GIẢM	3.60	3.54	0.00%	MUA		3.93		
AMD	1.95	GIẢM	GIẢM		2.03				2.56		
APG	10.55	TĂNG	TĂNG	8.76	9.54	20.43%		9.90	8.56	6.57%	
ART	2.60	GIẢM	TĂNG		2.63			2.30	2.12	13.04%	
BCG	6.50	GIẢM	GIẢM		6.75				8.08		
C4G	6.20	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.60	GIẢM	GIẢM		6.83				13.27		
CCL	7.10	GIẢM	TĂNG		7.77			7.88	6.27	-9.90%	
CVT	21.20	TĂNG	GIẢM	20.95	20.40	1.19%			22.18		
DAH	8.58	GIẢM	GIẢM		9.72				11.07		
DLG	1.97	GIẢM	TĂNG		2.08			1.71	1.85	15.20%	BÁN
DRH	3.40	TĂNG	GIẢM		3.21				4.74		
DTD	10.30	GIẢM	GIẢM		10.77				12.54		
EVG	2.54	GIẢM	GIẢM		2.62				2.83		
FIT	9.02	GIẢM	TĂNG		9.86			3.64	8.91	147.80%	BÁN
FTM	1.89	GIẢM	GIẢM		1.97				3.70		
FUES SV50	13.05	TĂNG	GIẢM	12.75	12.77	2.35%			13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	3.33%		14.90	14.60	4.03%	
HAH	11.50	GIẢM	GIẢM		11.72				12.87		
HAI	2.79	GIẢM	GIẢM		2.81				3.79		
HAR	3.24	GIẢM	GIẢM		3.46				4.57		
HDA	9.40	GIẢM	GIẢM		9.82				10.95		
HHP	13.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.89	6.56%			13.13		
HHS	3.40	TĂNG	TĂNG	3.40	3.11	0.00%		3.36	2.97	1.19%	
HID	2.37	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	0.42%		2.63	2.16	-9.89%	
HII	9.79	TĂNG	GIẢM	9.75	9.52	0.41%			10.51		
HQC	1.08	GIẢM	GIẢM		1.12				1.27		
HSL	7.48	GIẢM	GIẢM		7.66				8.54		
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVG	8.60	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	9.97%		3.90	6.94	120.51%	
HVH	14.05	TĂNG	GIẢM	15.85	13.46	-11.36%			18.30		
IDJ	8.70	TĂNG	TĂNG	6.90	7.65	26.09%		7.20	5.42	20.83%	

We Create Fortune

JVC	3.04	GIẢM	GIẢM		3.33				4.14		
KLF	1.60	GIẢM	TĂNG		1.70			1.50	1.33	6.67%	
LCG	7.51	GIẢM	GIẢM		7.55				8.74		
LGL	7.29	GIẢM	GIẢM		8.16				8.86		
LHG	15.45	GIẢM	GIẢM		16.17				16.89		
LMH	2.92	GIẢM	GIẢM		3.93				8.73		
MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.25	52.94%	
NDN	16.80	TĂNG	GIẢM	16.80	16.32	0.00%	MUA		17.93		
PHC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.24				11.99		
PLP	9.65	GIẢM	GIẢM		10.03				10.90		
PVB	18.00	GIẢM	GIẢM		18.15				20.32		
PVC	6.60	GIẢM	GIẢM		6.85			6.70	6.66	-0.65%	BÁN
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.27				1.45		
PXL	8.10	TĂNG	TĂNG	8.10	8.05	0.00%	MUA	6.70	6.66	20.90%	
SHI	9.05	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	56.98%	
SJF	1.66	GIẢM	GIẢM		1.74				2.45		
SPP	1.80	GIẢM	GIẢM		1.92				2.54		
TDC	8.40	TĂNG	GIẢM	8.75	8.27	-4.00%			9.04		
TIG	6.40	GIẢM	TĂNG		6.75			3.20	5.54	100.00%	
TLH	4.05	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.25%		4.48	3.49	-9.60%	
TNA	19.45	GIẢM	GIẢM		20.19				24.67		
TNI	10.20	GIẢM	TĂNG		10.62			10.90	9.99	-6.42%	
TSC	2.51	GIẢM	GIẢM		2.63				3.45		
TTF	2.74	TĂNG	GIẢM	2.75	2.54	-0.36%			2.98		
TTH	2.70	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	0.00%			2.89		
TVC	20.50	GIẢM	TĂNG		21.68			14.30	16.65	43.36%	
VC3	17.00	TĂNG	TĂNG	17.00	16.65	0.00%		22.00	16.32	-22.73%	
VCR	8.70	GIẢM	GIẢM		9.92				15.66		
VNA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.13				4.31		
VNE	3.64	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	6.63	GIẢM	GIẢM		7.71				16.39		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	991.46	0.52%
VN30	909.09	0.28%
VN Mid	942.66	0.78%
VN Small	752.97	1.20%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	786.71	
Bán	707.9	
GT rỗng	78.81	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
STK	1150	6.82%
TCM	1400	6.76%
TNA	1150	6.28%
HSG	430	5.03%
MSH	2050	4.61%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
E1VFN30	-700	-4.43%
D2D	-2000	-3.03%
MSN	-1100	-2.02%
CII	-400	-1.54%
REE	-300	-0.80%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,641	
VCB	348,634	
VHM	287,832	
BID	217,189	
VNM	210,707	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HPG	8,959,900	5,237,912
HSG	8,908,570	3,736,933
VRC	7,203,630	153,624
STB	7,030,700	3,444,121
MBB	5,507,290	3,670,231

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.28	0.65%
HN30	187.01	1.68%
VNX AllSh	867.57	0.45%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	6.33	
Bán	3.59	
GT rỗng	2.74	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSC	3000	9.90%
TNG	1200	7.74%
NDN	1200	7.69%
HUT	100	4.55%
SHB	300	4.05%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-200	-2.17%
AMV	-400	-2.08%
VCG	-100	-0.39%
ACB	0	0.00%
CEO	0	0.00%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,585	
VCG	11,396	
VCS	10,800	
SHB	8,903	
PVS	8,747	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	5,596,112	4,386,059
ART	2,387,880	1,956,581
NVB	2,277,000	1,526,012
HUT	1,727,719	989,303
ACB	1,699,379	1,735,200

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.22	0.46%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	58.96	
Bán	39.60	
GT rỗng	19.36	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	400	6.90%
VGX	500	5.95%
BSR	300	3.70%
NTC	5700	3.54%
GVR	400	3.42%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	-1000	-4.26%
OIL	-100	-1.22%
BOT	0	0.00%
ACV	100	0.15%
VIB	100	0.56%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	150,030	
VEA	58,457	
MCH	48,992	
GVR	46,796	
BCM	30,015	

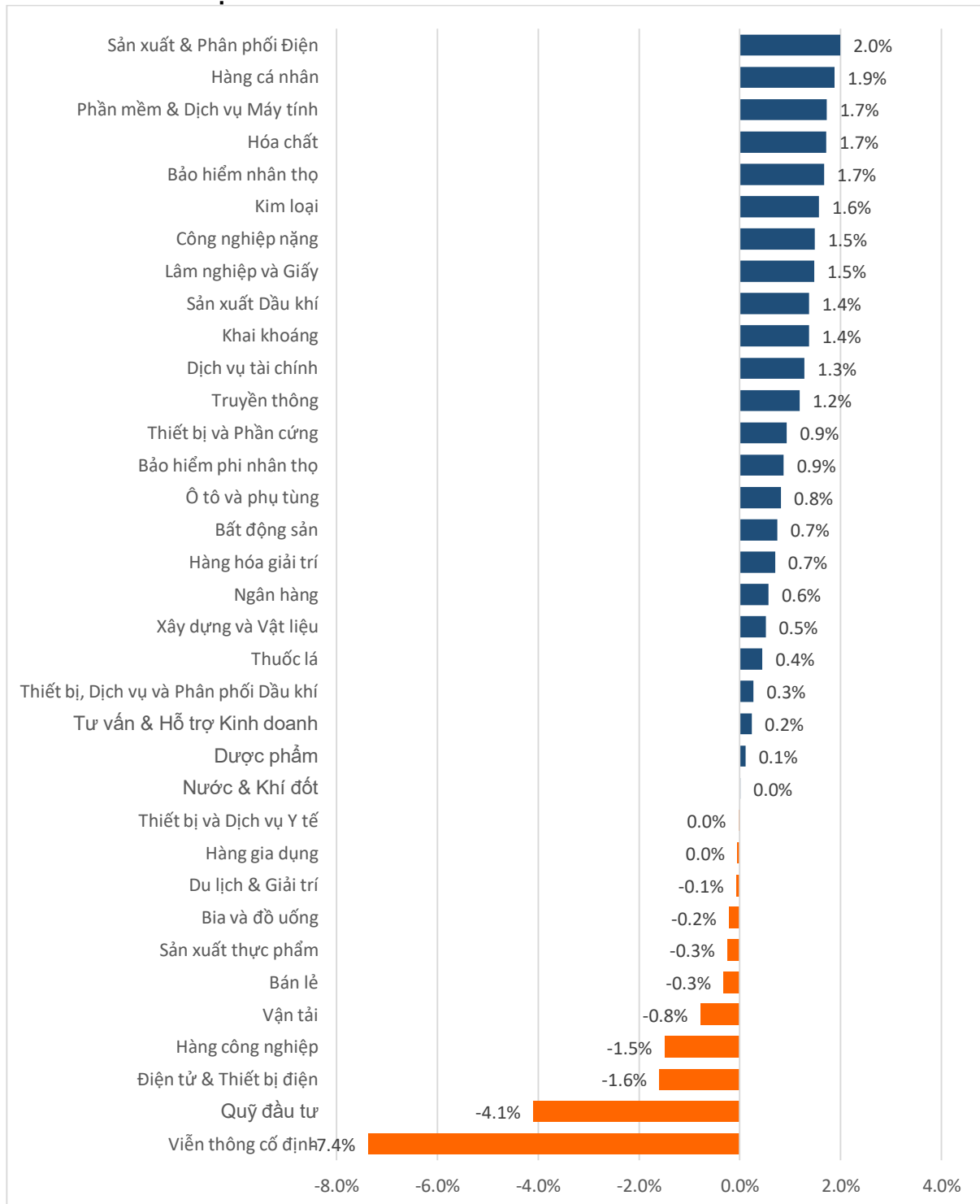
KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,282,520	1,760,085
MPC	1,431,625	251,412
VEA	1,299,490	93,014
VIB	584,350	472,522
GVR	540,290	540,598

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



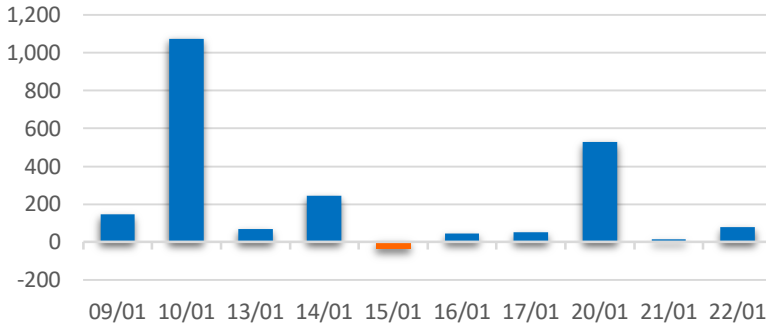
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

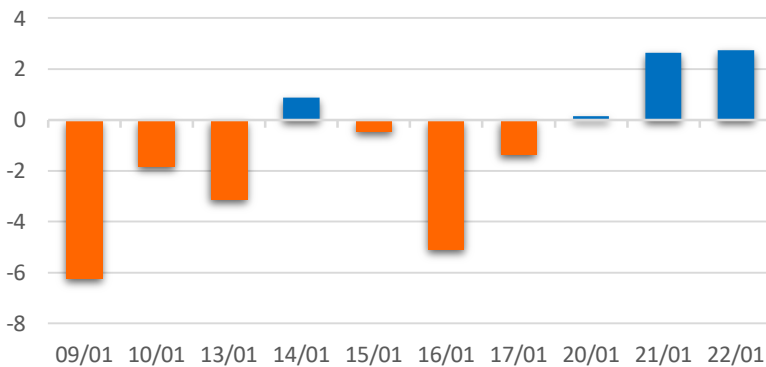
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	105,001	VIC	21,129
VHM	17,997	VJC	21,063
HSG	13,452	MSN	14,921
STB	7,139	VRE	13,345
VNM	6,328	POW	12,792

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

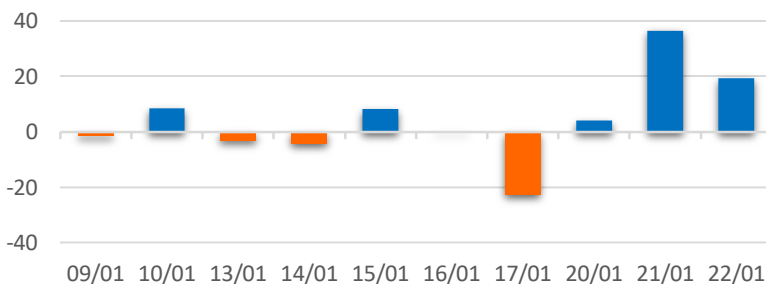
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,450	HUT	1,136
CEO	1,440	NDN	309
SHB	354	TIG	201
HAT	317	NHA	147
BVS	250	SRA	61

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	19,956	ACV	2,224
LPB	797	CTR	1,803
ABI	523	BSR	1,306
LTG	204	OIL	141
MCH	135	MML	99

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



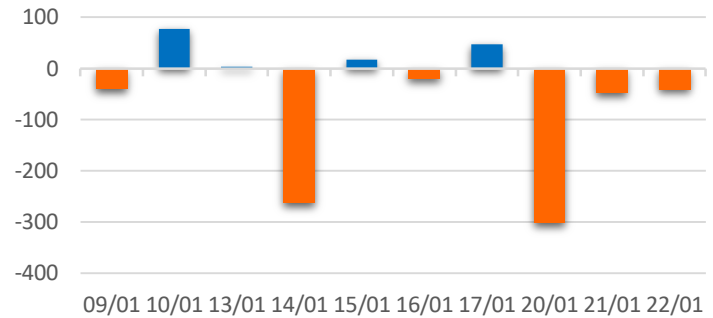
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

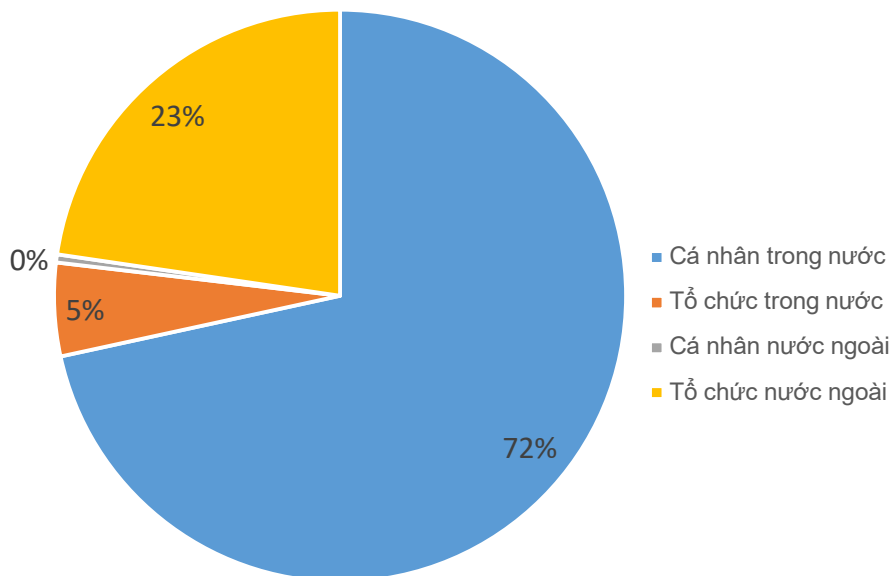
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TMT	19,800	VPB	27,563
FPT	19,162	MBB	26,201
MWG	9,375	PLX	11,807
VNM	5,950	MWG	10,889
HSG	4,614	FPT	9,456

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

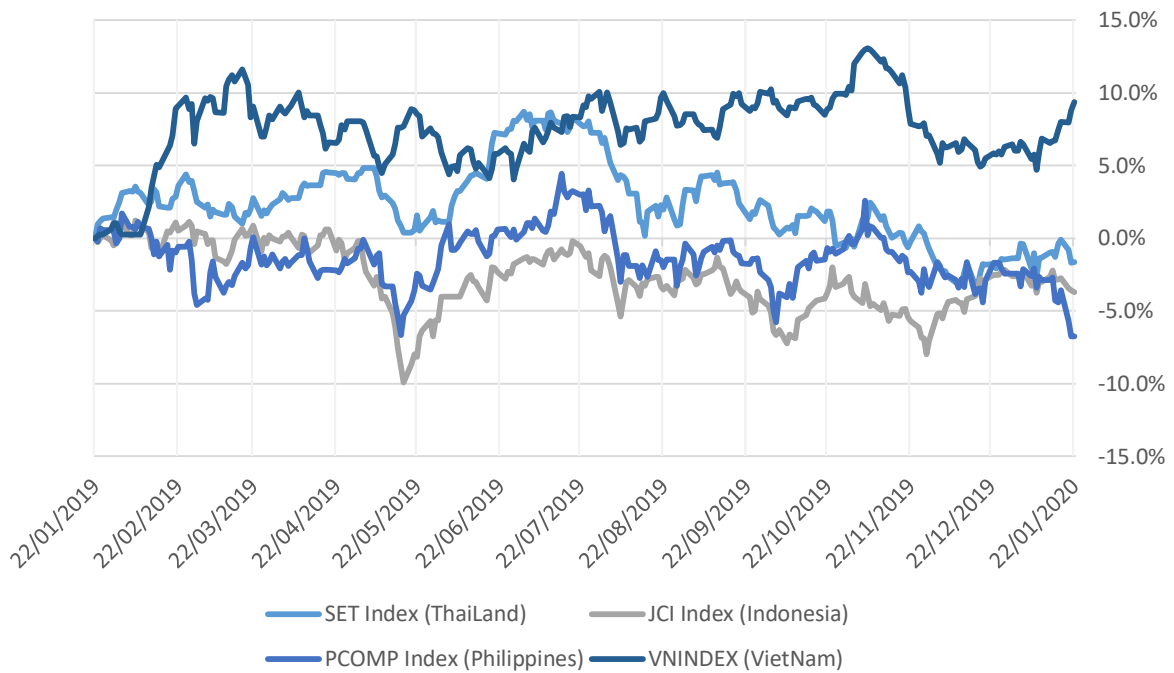


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

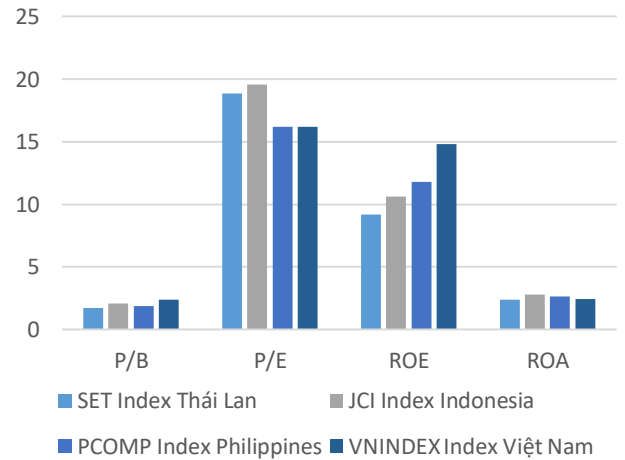
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	1.9x	2.4x
P/E		18.8x	19.5x	16.2x	16.2x
ROE	%	9.20	10.61	11.79	14.83
ROA	%	2.37	2.80	2.66	2.43
Vốn hóa	Tỷ USD	548.48	529.80	183.13	145.67
GTGD	Triệu USD	2.24	0.32	0.11	0.12
LS cổ tức	%	3.27	2.44	1.68	1.98

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written